

# VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA NHO GIÁO ĐỐI VỚI HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN PHÚC\*

Sinh ra trong một gia đình Nho giáo, được đào tạo về Nho giáo từ rất sớm, nên ảnh hưởng của Nho giáo đối với Hồ Chí Minh là lẽ đương nhiên. Ngày nay, giới lí luận đều nhất trí rằng, Nho giáo là một trong những tiền đề lí luận, một trong những cội nguồn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, một vài học giả đã cường điệu quá mức ảnh hưởng của Nho giáo đối với Hồ Chí Minh, thậm chí có người còn cho rằng, Hồ Chí Minh là người theo đạo Khổng. Chẳng hạn, trong bài nói chuyện tại Toronto (Canada) ngày 29/10/2003, về cuốn sách của mình: *“Vietnam expose and new biography of Ho Chi Minh”*, sử gia người Pháp Pierre Brocheux khẳng định: “Hồ Chí Minh là một người theo đạo Khổng, ông ưa các giải pháp ôn hoà hơn là cực đoan”<sup>1</sup>. Lấy việc ưa các giải pháp ôn hoà để quy Hồ Chí Minh thành người theo đạo Khổng, Pierre Brocheux ngụ ý đến tinh thần của đạo *Nhân* trong các giải pháp Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sự quy kết như vậy là không thuyết phục; bởi lẽ, tinh thần nhân ái hay các giải pháp ôn hoà là giá trị không chỉ riêng có ở Nho giáo. Hơn thế, ảnh hưởng của Nho giáo cho dù là ở mức độ nào thì cũng đã được khúc xạ qua nhãn quan mácxít ở Hồ Chí Minh. Như vậy, những ảnh hưởng của Nho giáo không còn là Nho giáo nguyên vẹn nữa. Chúng đã được cải tạo, được đổi mới mà trở thành những yếu tố hữu cơ trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Như sự khẳng định của chính mình, Hồ Chí Minh là một người mácxít. Cổ nhiên, trước khi đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh là một người yêu nước (yêu nước theo nghĩa truyền thống). Sự khẳng định đó không chỉ bằng lời nói (chẳng hạn, khi trả lời tướng Trương Phát Khuê năm 1944; trả lời một nhà báo cánh hữu tại Paris năm 1946; tự khẳng định trong bài báo *“Con đường đưa tôi đến chủ nghĩa Lênin”*, ...), mà quan trọng là trên thực tế, Hồ Chí Minh đã sáng lập, lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam; chủ trương và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Như thế, không thể nói Hồ Chí Minh là người theo đạo Khổng hoặc theo một chủ nghĩa nào khác ngoài chủ nghĩa Mác – Lênin. Việc khẳng định Hồ Chí Minh là người mácxít không có nghĩa là phủ nhận ảnh hưởng của các truyền thống văn hoá, các hệ tư tưởng ngoài mácxít đối với Người. Bản chất của Hệ tư tưởng Mác - Lênin cho phép và đòi hỏi những người mácxít phải kế thừa (có phê phán, có đổi mới) những giá trị truyền thống. Hồ Chí Minh từng dẫn lời Lênin rằng, chỉ có những người cách mạng mới thu hái được những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại<sup>2</sup>. Như thế, những ảnh hưởng của Nho giáo đối với Hồ Chí Minh không phải là ảnh hưởng tự phát mà là ảnh hưởng có tính tự giác. Nói cách khác, Hồ Chí Minh đã chủ động kế thừa từ lập trường mácxít những giá trị truyền thống trong đó có Nho giáo.

Trong bối cảnh của những năm đầu thế kỉ XX, Hồ Chí Minh nhận thấy: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>3</sup>. Như vậy, chủ nghĩa Mác – Lênin, học thuyết phản ánh yêu cầu của xã hội hiện đại là sự lựa chọn về mặt lí luận và do đó, là căn cứ lí luận để Hồ Chí Minh nhìn nhận và kế thừa Nho giáo. Chính là từ lập trường chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh đã chỉ ra mối liên hệ, tính quy định của các điều kiện kinh tế – xã hội đối với học thuyết của Khổng tử và đánh giá một cách khách quan, khoa học về vai trò, ý nghĩa của Khổng giáo đối với thời đại ngày nay. Người viết: “Cách đây 20 thế kỉ, chưa có chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc và các dân tộc chưa bị áp bức như chúng ta ngày nay, cho nên bộ óc của Khổng tử không bao giờ bị khuấy động vì các học thuyết cách mạng. Đạo đức của ông là hoàn hảo, nhưng nó không thể dung hợp được với các trào lưu tư tưởng hiện đại, giống như một cái nắp tròn làm thế nào có thể đậy kín được cái hộp vuông”<sup>4</sup>. Vì Nho giáo phản ánh những điều kiện của xã hội cách đây 20 thế kỉ nên nó chỉ thích hợp với “một xã hội bình yên không bao giờ thay đổi”. Tuy vậy, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định rằng, mặc dù “trong học thuyết của Khổng tử có nhiều điều không đúng, song những điều hay trong đó thì ta nên học”<sup>5</sup>. Vậy, Hồ Chí Minh đã tìm ra những *điều hay* gì trong tư tưởng Khổng tử nói riêng, trong Nho giáo nói chung; đã học tập những *điều hay* đó như thế nào? Nói cách khác, Hồ Chí Minh đã kế thừa những gì và kế thừa như thế nào các giá trị Nho giáo?

Nho giáo, như chúng ta biết, thực chất là một học thuyết chính trị – xã hội. Xuất phát từ tình trạng xã hội rối ren, trong đó, vua

không ra vua, tôi không ra tôi, cha không ra cha, con không ra con, Khổng tử và các môn đệ của ông chủ trương cứu vãn xã hội bằng một phương thức cai trị dựa trên đạo đức gọi là *Đức trị*. Nói cụ thể hơn, không bằng lòng với hiện tại, Nho giáo phác họa ra một xã hội lí tưởng; đó là *xã hội đại đồng* với những con người và các quan hệ thấm đầy tình nhân ái. Để thực hiện lí tưởng đó, Nho giáo chủ trương phải có và do đó, phải giáo dục, đào tạo được những con người, những *người quân tử* đạt đạo, đạt đức đủ tư cách cai trị xã hội bằng phương thức Đức trị, tức là phương thức cai trị bằng đạo đức, lòng nhân ái. Như vậy, Nho giáo bao gồm ba phương diện, ba yếu tố cơ bản: 1) mục tiêu (Xã hội đại đồng); 2) con người thực hiện, cai trị (Người quân tử); 3) phương thức cai trị (Đức trị). Cả ba phương diện này đều chứa đựng những giá trị mang ý nghĩa nhân loại phổ biến và đều được Hồ Chí Minh kế thừa và đổi mới trên cơ sở lập trường mácxít.

1. Trong bài báo “Phong trào cộng sản quốc tế” đăng trên Tạp chí *La Ruvue Communiste*, tháng 5/1921, Hồ Chí Minh cho rằng, một trong những “lí do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu” là khát vọng lâu đời của người châu Á về một xã hội đại đồng. Người viết: “Khổng tử vĩ đại (551 trước CN) khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản. Ông từng nói thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng”<sup>6</sup>. Thế giới đại đồng hay xã hội đại đồng được Khổng tử mô tả như sau: “Đạo lớn thi hành, thiên hạ đều là của chung, tuyển chọn người hiền có tài năng, nói điều tín nghĩa hoà mục, cho nên người ta không chỉ lo cho người thân của mình, không chỉ lo cho con cái của mình. Xã hội như vậy đủ khiến cho người già được chết yên lành và

người khoẻ mạnh có chỗ dùng tới, xã hội như vậy khiến cho trẻ nhỏ được yên vui lớn lên. Xã hội như vậy kính trọng người cô quả bơ vơ, bệnh tật và nuôi dưỡng họ. Đàn ông nào cũng có chức phận, đàn bà nào cũng có chồng. Của cải không bị phung phí mà cũng chẳng cần cất giấu. Sức mạnh không cần mang ra khoe mà cũng chẳng vì mình, cho nên xã hội như vậy không cần dùng trí mưu lược mà bọn đạo tặc trộm cắp không nổi lên được, cho nên cửa ngoài không cần đóng. Đó là xã hội đại đồng” (Lễ kí. *Lễ vận*). Xã hội đại đồng cũng được trình bày trong đề án *Nhân chính* của Mạnh tử. Hồ Chí Minh nhận xét rằng, Mạnh tử đã “vạch ra một kế hoạch chi tiết để tổ chức sản xuất và tiêu thụ” làm cơ sở cho một xã hội mà trong đó có “sự bảo vệ và sự phát triển lành mạnh của trẻ em, sự giáo dục và lao động cường bức đối với người lớn, sự lên án nghiêm khắc thói ăn bám, sự nghỉ ngơi của người già”. Người còn nhận xét thêm: “Không có điều gì đề án của ông không đề cập đến”<sup>7</sup>. Những nhận xét như vậy cho thấy, Hồ Chí Minh rất đề cao và tâm đắc ý nghĩa nhân loại phổ biến của xã hội đại đồng, một xã hội của con người, do con người, vì con người.

Nhưng với nhãn quan mácxít, Hồ Chí Minh thấy rằng, cái xã hội đại đồng lí tưởng ấy tuy có nhiều điểm tương đồng với chủ nghĩa cộng sản, nhưng khác biệt với chủ nghĩa cộng sản ở một điểm căn bản nhất: một bên dựa trên chế độ *tư hữu nhỏ*, còn bên kia dựa trên chế độ *công hữu*. Chỉ một sự khác biệt căn bản ấy cũng cho thấy tính ảo tưởng, không khả thi của xã hội đại đồng; bởi lẽ, không thể có bình đẳng, đại đồng, thái bình thật sự và phổ biến trong điều kiện của chế độ tư hữu và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xã hội đại đồng của Nho giáo chỉ có

giá trị như là một mô hình sinh động phản ánh khát vọng mang ý nghĩa nhân loại phổ biến và do đó, hiện hữu như là một động lực tinh thần để nhân loại phấn đấu cho chủ nghĩa cộng sản, một xã hội lí tưởng nhưng có căn cứ hiện thực trong việc giải quyết những mâu thuẫn của thời đại hiện nay. Vì vậy, Người khẳng định rằng, “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”<sup>8</sup>. Tuy nhiên, sự tâm đắc, sự chia sẻ ý nghĩa nhân văn, sự lí giải của Hồ Chí Minh về vai trò, vị trí của *xã hội đại đồng* trong tâm thức người châu Á đã cho thấy, *chủ nghĩa cộng sản với tư cách một xã hội lí tưởng* được Hồ Chí Minh tiếp nhận khi đến với chủ nghĩa Mác – Lênin chính là sự tiếp tục, sự đổi mới, sự vượt qua xã hội đại đồng Nho giáo.

2. Để thực hiện xã hội đại đồng, Nho giáo chủ trương *Đức trị*, nghĩa là cai trị xã hội bằng đạo đức, lòng nhân ái. Phương thức cai trị bằng đạo đức, lòng nhân ái trước hết giả định những chủ thể cai trị có một trình độ phát triển nhân cách cao mà mẫu hình lí tưởng là người *quân tử*. Để trở thành người quân tử, Nho giáo đòi hỏi con người phải *tu thân* (được giáo dục và tự giáo dục) để *đạt đạo, đạt đức, biết thi, thư, lễ, nhạc*, nghĩa là phải có một sự phát triển toàn diện về nhân cách theo quan niệm Nho giáo. Những nhà kinh điển của Nho giáo đã đề xướng một *hệ thống những nguyên tắc, những chuẩn mực đạo đức* bao quát các quan hệ cơ bản nhất của con người và xã hội để phục vụ cho *giáo dục* và *cai trị xã hội*. Đó là: *Tan Cương, Ngũ Thường, Tam Tòng, Tứ Đức*,... Hệ thống này vừa là *nội dung của giáo dục* vừa là *giá trị, chuẩn mực, căn cứ để điều chỉnh các quan hệ, các hoạt động người* nhìn từ góc độ cai trị. Như vậy, Nho giáo đặc biệt đề cao vai trò

của con người, đề cao các phẩm chất nhân cách trong việc xây dựng một xã hội tốt đẹp, trong đó có hạnh phúc cho mọi người (cố nhiên, đó là hạnh phúc theo quan niệm Nho giáo). Cũng như các nhà kinh điển Nho giáo, Hồ Chí Minh rất đề cao vai trò con người. Người viết: “Vô luận việc gì đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”<sup>9</sup>. Người còn nói, muốn cải tạo xã hội phải tự cải tạo mình; muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa. Nếu Nho giáo đề cao vai trò của người quân tử, người cầm quyền, người giáo hoá dân chúng, thì Hồ Chí Minh trong khi khẳng định, “công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”, cũng đồng thời nhấn mạnh “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Vì thế, đối với Hồ Chí Minh, điều cốt yếu là ở chỗ, *tổ chức quần chúng lại, giáo dục họ, đưa họ ra tranh đấu để tự giải phóng và xây dựng đời sống mới*. Đó là sự tương đồng, nhưng đồng thời cũng là sự khác biệt, sự vượt qua Nho giáo ở Hồ Chí Minh trong việc nhìn nhận vai trò của con người, chủ thể của lịch sử.

Từ chỗ đề cao vai trò con người, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến tầm quan trọng của sự phát triển nhân cách đạo đức, trước hết là đạo đức của người cách mạng. Ngay từ tác phẩm “*Đường cách mệnh*”, Người đã xác định 23 điều về tư cách một người cách mạng nhằm điều chỉnh 3 mối quan hệ cơ bản: đối với mình; đối với người; đối với việc; và cho đến trước lúc đi xa, Người vẫn không quên nhấn mạnh, Đảng ta là một đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng.

Trong việc xác định những phẩm chất đạo đức người cách mạng, Hồ Chí Minh sử dụng khá nhiều các phạm trù đạo đức Nho giáo. Ở

đây không đơn giản chỉ là việc sử dụng ngôn từ; mà đằng sau ngôn từ, ẩn trong ngôn từ còn là những giá trị đạo đức của Nho giáo. Hồ Chí Minh từng nhận xét: “Không giáo không phải là một tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử”<sup>10</sup>. Vì vậy, “người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng tử”<sup>11</sup>. Để hoàn thiện về mặt tinh thần, Hồ Chí Minh đã tìm thấy nhiều *điều hay, nên học* trong Khổng giáo nói riêng và trong Nho giáo nói chung. Đó là ý chí và tâm huyết của những người quân tử, người đạt đạo, đạt đức, quyết nhập thế phấn đấu cho một lí tưởng cao đẹp; đó là khí phách của các bậc đại trượng phu, những người có niềm xác tín và sự kiên định mà “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”; đó là tinh thần “khắc kỉ phục lễ”, tinh thần phụ trách, gương mẫu “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; đó là những phẩm chất: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm, Trung, Hiếu, ... mà con người cần trau dồi, rèn luyện.

Tuy vậy, Hồ Chí Minh không kế thừa một cách nguyên vẹn những *điều hay*, tức những giá trị Nho giáo. Vì Nho giáo được sản sinh ra trong xã hội phong kiến và thích ứng với xã hội phong kiến nên các giá trị Nho giáo tự nó đã chứa đựng tính hai mặt trong ảnh hưởng đối với thời đại ngày nay. Bởi vậy, từ yêu cầu của cách mạng, tức là yêu cầu của công cuộc đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước trong điều kiện của thế kỉ XX, Hồ Chí Minh đã mở rộng phạm vi và làm mới nội dung của hàng loạt các yêu cầu, các giá trị Nho giáo. Chẳng hạn, đối với Nho giáo, *Nhân* chủ yếu phản ánh yêu cầu của xã hội phong kiến đối với người quân tử. Lòng nhân của người quân tử đòi hỏi tình yêu

người và trách nhiệm của họ với tư cách là người thuộc tầng lớp trên. Để khắc phục hạn chế và phát huy giá trị của đạo Nhân, Hồ Chí Minh đã mở rộng phạm vi và nâng cấp, đổi mới nội dung cho phù hợp với yêu cầu của thời đại. Người viết: “Nhân là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào”<sup>12</sup>, “Nhân, nghĩa là nhân dân. Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân... Trong xã hội không gì tốt đẹp bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân”<sup>13</sup>. Với cách diễn đạt như vậy, *Nhân* vẫn là sự tiếp tục của giá trị Nho giáo, vẫn phản ánh yêu cầu của xã hội đối với con người, vẫn biểu hiện năng lực phục vụ xã hội và khẳng định nhân cách con người. Tuy vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, *Nhân* đã vượt qua giới hạn chật hẹp của Nho giáo mà trở thành nhân dân, trở thành yêu cầu và năng lực phục vụ nhân dân, thành phẩm chất đạo đức của con người mới trong thời đại mới. Cũng như vậy, *Trung*, *Hiếu*, *Cần*, *Kiệm*, *Liêm*, *Chính*,... đều được Hồ Chí Minh diễn đạt lại theo yêu cầu của thời đại. *Trung* trong điều kiện mới phải là trung với nước, *Hiếu* không chỉ là hiếu với cha mẹ, mà còn là hiếu với dân; *Cần*, *Kiệm*, *Liêm*, *Chính* không chỉ là phẩm chất cần có đối với cán bộ, mà còn là yêu cầu đối với mỗi người dân. Mỗi phẩm chất đó đều có nội dung cụ thể tương ứng với mỗi con người trong các cương vị, các quan hệ cụ thể của mình; tất cả đều hướng tới việc phấn đấu cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước.

3. Với Nho giáo, việc giáo dục, đào tạo là nhằm tạo ra những chủ thể thực thi Đức trị, Nhân chính. Nói như Nho giáo, *tu thân, đạt đạo, đạt đức* rồi, người quân tử phải *hành đạo*, tức là tham gia vào hệ thống cai trị của xã hội. Trong việc cai trị xã hội, Nho giáo

phản đối *Pháp trị*, bởi theo quan niệm Nho giáo, pháp luật chỉ làm cho người ta sợ mà không dám làm điều ác. Nếu có thể che dấu để tránh sự trừng phạt, thì những kẻ xấu vẫn làm điều ác. Nhưng đức trị thì khác. Khổng tử nói: “Làm chính trị bằng đức, thì tự mình sẽ giống như sao Bắc đẩu, ở nguyên một chỗ, mà mọi vì sao khác châu quanh mình”<sup>14</sup>. Mạnh tử cũng cho rằng, thi hành đạo Nhân là biện pháp tốt nhất để loại trừ tình trạng phi nhân, là phương tiện hữu hiệu để duy trì trật tự, kỉ cương, sự ổn định xã hội. Trả lời Thuần Vu Khôn về biện pháp cứu vớt thiên hạ khỏi cảnh chìm đắm, ông khẳng định: “Thiên hạ chìm đắm, cần cứu vớt bằng đạo (nhân nghĩa)”<sup>15</sup>.

Việc cai trị xã hội bằng đạo đức đòi hỏi không chỉ những *chủ thể – quân tử*, mà còn phải xây dựng được một *hệ thống những yêu cầu, những chuẩn mực đạo đức* bao quát mọi lĩnh vực quan hệ người, mọi đối tượng cần điều chỉnh. Như đã nêu trên, Khổng tử và những người kế tục ông đã xây dựng và không ngừng hoàn thiện một hệ thống những yêu cầu và chuẩn mực đạo đức về mặt lí luận; các Nhà nước phong kiến Nho giáo trải suốt hơn 2000 năm đã ra sức giáo dục, biến đạo đức Nho giáo thành sức mạnh và niềm tin bên trong mỗi con người, để chúng điều chỉnh họ một cách tự giác và tự nguyện trong việc thực hiện mọi quan hệ, mọi hoạt động. Cùng với việc xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức và giáo dục đạo đức, Đức trị còn đòi hỏi việc *nêu gương* của những người cầm quyền. Đây là một trong những yếu tố cấu thành Đức trị, biểu hiện tính đặc thù và hiệu quả của Đức trị. Nêu gương đạo đức chính là thực hiện một cách tốt nhất những yêu cầu đạo đức cụ thể của xã hội đối với mỗi con người. Bởi vậy, nêu gương là hình thức cao

nhất, hữu hiệu nhất của cai trị xã hội bằng đạo đức.

Nhận rõ giá trị và ý nghĩa nhân loại phổ biến của Đức trị, Hồ Chí Minh đã sử dụng và phát huy tối đa sức mạnh đạo đức trong lãnh đạo cách mạng nói chung, trong quản lý xã hội nói riêng. Cũng như các nhà kinh điển Nho giáo, Hồ Chí Minh chăm lo xây dựng đạo đức nhưng là đạo đức cách mạng; chăm lo giáo dục đạo đức để xây dựng con người mới, con người xã hội chủ nghĩa. Trong lãnh đạo cách mạng, Người đặc biệt nhấn mạnh vai trò của nêu gương. Đối với Hồ Chí Minh, việc nêu gương trước hết phải được thực hiện ở cán bộ, đảng viên, bởi “cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy”. Người đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải không ngừng rèn luyện, tu dưỡng, tự mình phải gương mẫu cần, kiệm, liêm, chính để nhân dân noi theo. Theo Người, “nếu miệng thì tuyên truyền bảo người ta siêng làm, mà tự mình thì ăn trưa ngủ trễ; bảo người ta tiết kiệm, mà tự mình thì xa xỉ lung tung, thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích”<sup>16</sup>. Cho nên, “tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt chước”. Khi đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, bản thân Người đã thể hiện một cách tuyệt vời giữa miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác noi theo. Cả đời Người là một tấm gương “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, tận trung với nước, tận hiếu với dân.

Không dừng lại ở phạm vi nêu gương của Nho giáo, Hồ Chí Minh còn đặc biệt quan tâm đến *nêu gương đạo đức trong các phong trào thực tiễn*, vừa là để thúc đẩy phong trào thực tiễn phát triển, vừa là để giáo dục lẫn nhau trong mọi tầng lớp nhân dân. Việc mở rộng này có căn cứ ở quan điểm: quần chúng là người sáng tạo ra lịch sử. Đạo đức không

phải là phẩm chất chỉ riêng có hoặc chỉ tiêu biểu ở những người quân tử như Nho giáo quan niệm. Đối với Hồ Chí Minh, người cùng khổ, người mất nước cũng có thể khẳng định nhân cách của mình trong đấu tranh giải phóng. Trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới, mỗi người dân bình thường đều có thể tạo ra nhân cách cho mình qua tự giáo dục và hoạt động thực tiễn. Như thế, ai cũng có thể và cần noi theo gương tốt, làm việc tốt để trở thành người tốt, nghĩa là trở thành tấm gương cho người khác học tập, noi theo. Tư tưởng về việc sử dụng tấm gương người tốt, việc tốt để thúc đẩy phong trào và giáo dục đạo đức không chỉ thể hiện một nhận thức khoa học về vai trò của nêu gương đạo đức; mà còn thể hiện niềm tin của Hồ Chí Minh vào con người và khả năng tự giải phóng của nhân dân về mặt tinh thần - đạo đức khởi sự giáo hoá theo kiểu bề trên của Nho giáo.

Hồ Chí Minh đã kế thừa và đổi mới Đức trị của Nho giáo, biến Đức trị thành một yếu tố hữu cơ, một phương diện cấu thành của quản lý xã hội trong điều kiện hiện đại. Mặc dù vậy, Hồ Chí Minh không tuyệt đối hoá vai trò của đạo đức như các nhà kinh điển Nho giáo. Thực tế, ở các Nhà nước phong kiến, Nho giáo trong khi ca tụng Đức trị, vẫn xác lập những luật, lệ, thậm chí những luật, lệ hà khắc để cai trị xã hội. Như vậy, xét đến cùng, Đức trị chẳng qua cũng chỉ là một hình thức che đậy hoặc một hình thức đạo đức hoá những luật, lệ phong kiến mà thôi. Quản lý xã hội trong điều kiện hiện đại không thể không biết đến pháp luật. Dưới hình thức *Diễn ca*, Hồ Chí Minh viết: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Đó chính là sự khẳng định vai trò, tính tất yếu của quản lý xã hội bằng pháp luật. Hơn thế, đối với một Nhà nước dân chủ thì pháp luật và thực thi pháp luật phải mang tính chất dân chủ. Bởi vậy, ngay

từ phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (3/9/1945), trên cương vị Chủ tịch, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”<sup>17</sup>.

Khẳng định tính tất yếu của việc quản lí xã hội bằng pháp luật, Hồ Chí Minh cũng không tuyệt đối hoá vai trò của pháp luật. Việc sử dụng rất có hiệu quả đạo đức trong quản lí xã hội như đã trình bày cho thấy, nhận thức của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa pháp luật và đạo đức trong sự điều tiết hành vi người và do đó, *kết hợp giữa thi hành pháp luật dân chủ với giáo dục đạo đức mới, chính là phương thức quản lí nhân đạo nhất, hiệu quả nhất trong điều kiện của thời đại ngày nay*.

Như vậy, cả ba bình diện của Nho giáo: *xã hội lí tưởng; giáo dục đạo đức, xây dựng con người; quản lí xã hội bằng đạo đức* đều được Hồ Chí Minh kế thừa và đổi mới trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm đáp ứng các yêu cầu của xã hội hiện đại. Chính là nhờ được Hồ Chí Minh kế thừa và đổi mới mà những hạn chế của Nho giáo được khắc phục, được vượt qua; đồng thời, những giá trị đích thực của Nho giáo được làm sống động lại với một nội dung mới, một tinh thần mới, từ đó thể hiện được vai trò tích cực trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước Việt Nam. *Quan điểm đánh giá, phương thức kế thừa và đổi mới Nho giáo ở Hồ Chí Minh*, do vậy, là giá trị có ý nghĩa lí luận và phương pháp luận. Nó có thể và cần thiết được khai thác và phát huy trong điều kiện xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam hiện nay.

### Chú thích

- 1 Xem: <http://honvietquochoc.com.vn/Tu-lieu/Tu-lieu-lich-su/Thu-tim-loi-giai-cho-cau-hoi-Cu-Ho-la-ai.aspx>
2. Xem: Hồ Chí Minh, (1996), *Toàn tập*, t. 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 46.
3. *S đ d*, t. 10, tr. 128.
4. *S đ d*, t. 2, tr. 453.
5. *S đ d*, t. 6, tr. 46.
6. *S đ d*, t. 1, tr. 35.
7. Xem: *S đ d*, t. 1, tr. 35.
8. *S đ d*, t. 10, tr. 128.
9. *S đ d*, t. 5, tr. 241.
10. *S đ d*, t. 1, tr. 477.
- 11 *S đ d*, t. 2, tr. 454.
12. *S đ d*, t. 5, tr. 488-489.
13. *S đ d*, t. 8, tr. 276.
14. Viện nghiên cứu Hán nôm, *Từ thư*, t. 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr. 244.
15. *S đ d*, tr. 718.
16. Hồ Chí Minh, (1995), *Toàn tập*, t. 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 180.
17. *S đ d*, t. 4, tr. 133.

